TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Én

2. Bà Vũ Thị Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông La Minh Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/HNGĐ-ST ngày 29/4/2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 12, đường sau nhà thờ Tâm Hòa, ấp Hòa Bình, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Hyogo-ken, Kobe-shi, Chuo-ku, Minamihonmachidori 2-2-12-304 Japan.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày*:

Bà và ông T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn và được UBND huyện T, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 04/01/2017. Kết hôn xong ông Trần Quốc T đã xuất cảnh sang Nhật sinh sống từ 2018 cho đến nay. Từ khi ông T xuất cảnh đến nay, vợ chồng không còn sống chung và cũng không liên lạc được với nhau. Nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N đã cố gắng liên lạc và hàn gắn tình cảm với ông Trần Quốc T nhưng vẫn không có kết quả nên bà khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Trần Quốc T trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình.*

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về đường lối giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Trần Quốc T là hôn nhân hợp pháp. Hiện ông T đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: đương sự trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Trần Quốc T là người Việt Nam tuy nhiên hiện đang cư trú ở nước ngoài (Nhật Bản) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Quốc T cư trú tại địa chỉ: Hyogo-ken, Kobe-shi, Chuo-ku, Minamihonmachidori 2-2-12-304 Japan. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản để thực hiện: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T.

Ngày 16/5/2022, Tòa án nhận được Văn bản số 1078/BTP-PLQT ngày 04/5/2022 của Bộ Tư pháp Việt Nam xác định, Cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do không có người nhận tại địa chỉ yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 474 và điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn và được UBND huyện T, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 28/7/2015, hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp. Bà N yêu cầu xin ly hôn do đó áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Nguyên đơn bà N xác định giữa các bên phát sinh mâu thuẫn, ông Trần Quốc T đã xuất cảnh sang Nhật sinh sống từ 2018 cho đến nay. Vợ chồng không còn sống chung và cũng không liên lạc được với nhau. Bà N đã cố gắng liên lạc và hàn gắn tình cảm với ông T nhưng không có kết quả.

Căn cứ lời trình bày của đương sự, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân của ông bà không còn cần thiết do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 228, Điều 238, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Trần Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn ông Trần Quốc T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002611 ngày 13/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, ông Trần Quốc T được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

Trần Thanh Phong